

Số: 17 /2008/QĐ-UBND *Tuyên Quang, ngày 05 tháng 9 năm 2008*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135**  
**năm 2009 - 2010 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2007-2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT-UBDT-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 08 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Dân tộc- Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Bộ Tài chính- Bộ Xây dựng- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 456-TB/TU ngày 16 tháng 3 năm 2008; Kết luận số 37-KL/TU ngày 20 tháng 3 năm 2008 của hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (kỳ thứ 27);

Căn cứ Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVI, kỳ họp thứ 10 về Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2009-2010;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 84/TTr-BD TTG ngày 31 tháng 3 năm 2008 về việc xin phê duyệt Ban hành Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình

phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2009-2010,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2009 - 2010 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện có trách nhiệm triển khai và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định hiện hành của Nhà nước và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ban Dân tộc; Giám đốc các Ngành là thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình 135 cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã thuộc Chương trình 135 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Vel.*

- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy; | báo
- Thường trực HĐND tỉnh; | cáo
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh; Sở Tư pháp;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TC (Số.110).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Châu Văn Lâm*  
Châu Văn Lâm

*Tuyên Quang, ngày 05 tháng 9 năm 2008*

**TIÊU CHÍ  
PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2009 - 2010  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

(ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2008/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ**

1. Đảm bảo đúng đối tượng, địa bàn theo quy định.
2. Không bình quân, dàn trải, thực hiện phân bổ theo tiêu chí.
3. Đảm bảo không vượt tổng mức vốn bố trí trong kế hoạch hàng năm.
4. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch.

**B. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

**1. Đối tượng**

- Các xã đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II, theo các quyết định của cấp có thẩm quyền.
- Các xã do tỉnh đầu tư thực hiện theo cơ chế Chương trình 135 Trung ương.

**2. Phạm vi áp dụng**

a) Tiêu chí phân bổ vốn áp dụng đối với:

- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu.
- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Đối với Dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn, bản và cộng đồng; Chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật, thực hiện phân bổ vốn cho các xã theo định mức hàng năm của Trung ương.

**C. TIÊU CHÍ PHÂN BỐ**

**I. TIÊU CHÍ**

- Tiêu chí 1: Dân số và số người dân tộc thiểu số.
- Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và số hộ nghèo.
- Tiêu chí 3: Diện tích tự nhiên.
- Tiêu chí 4: Số thôn, bản và tính đặc thù.
- Tiêu chí 5: Vị trí địa lý.

## II. XÁC ĐỊNH SỐ ĐIỂM CỦA TỪNG TIÊU CHÍ CỤ THỂ

### 1. Tiêu chí 1: Dân số và số người dân tộc thiểu số.

Dân số và số người dân tộc thiểu số	Điểm
- Dưới 1.000 người, tính	1
Từ 1.000 người trở lên, cứ tăng thêm 200 người tính	0,1
- Cứ 100 người dân tộc thiểu số, tính	0,2

Dân số và số người dân tộc thiểu số căn cứ vào dân số của năm trước để tính toán tiêu chí của năm kế hoạch (do Cục Thống kê tỉnh công bố).

**2. Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và số hộ nghèo** (theo kết quả xác định, phân loại hộ nghèo năm trước do Sở Lao động Thương binh và Xã hội công bố).

Tỷ lệ hộ nghèo và số hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo, tính	0,1
Cứ 01 hộ nghèo, tính	0,1

(tỷ lệ hộ nghèo áp dụng tính điểm cho Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu; số hộ nghèo áp dụng tính điểm cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất).

### 3. Tiêu chí 3: Diện tích tự nhiên (do Sở Tài nguyên và Môi trường công bố).

Diện tích tự nhiên	Điểm
≤ 5.000 ha, tính	2
Trên 5.000 ha trở lên, cứ tăng thêm 1.000 ha tính	0,2

**4. Tiêu chí 4: Số thôn, bản và tính đặc thù** (thôn, bản do Sở Nội vụ công bố; tính đặc thù theo các quyết định của cấp có thẩm quyền).

Thôn, bản và tính đặc thù	Điểm
Xã có từ 10 thôn, bản trở xuống, tính	3
Xã có trên 10 thôn, bản, cứ tăng thêm 01 thôn tính	0,2
Xã vùng cao, cộng thêm	0,3
Xã vùng sâu, vùng xa cộng thêm	0,2
Xã có thôn đặc biệt khó khăn: Mỗi thôn đặc biệt khó khăn, cộng thêm	0,1

(nếu xã vừa là xã vùng cao, vừa là xã vùng sâu, vùng xa thì tính điểm của xã vùng cao).

### 5. Tiêu chí 5: Vị trí địa lý (do Sở Giao thông Vận tải công bố).

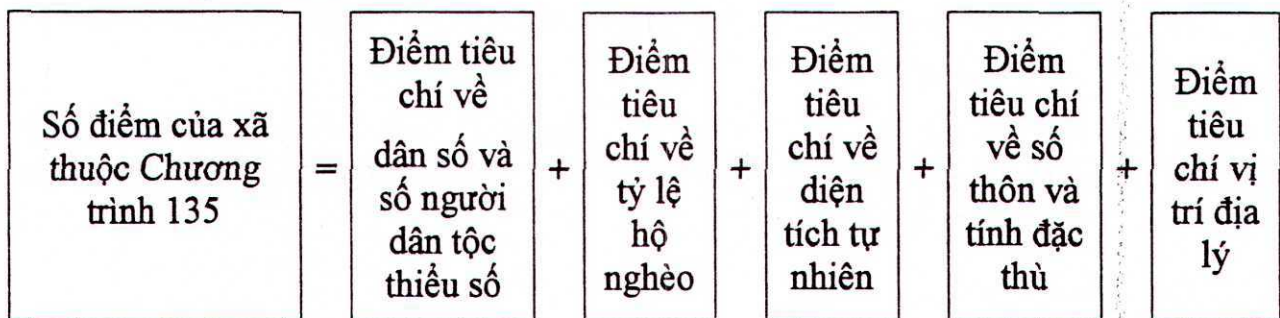
Cự ly đường	Điểm
Cứ 01 km đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, tính	0,1
Cứ 01 km đường từ trung tâm xã đến trung tâm huyện thuộc đường loại 4, 5, 6 cộng thêm	0,01

### III. XÁC ĐỊNH MỨC VỐN ĐẦU TƯ CHO XÃ

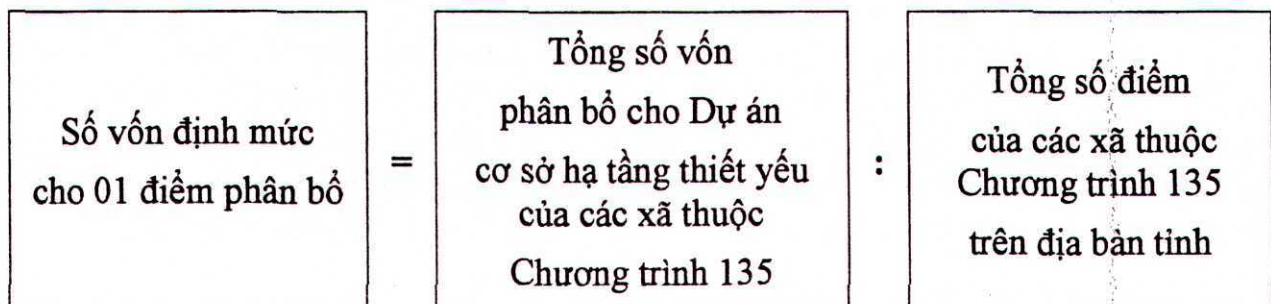
**Cách tính điểm:** Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính số điểm của từng xã và tổng số điểm làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư cho xã như sau:

#### 1. Đối với Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu

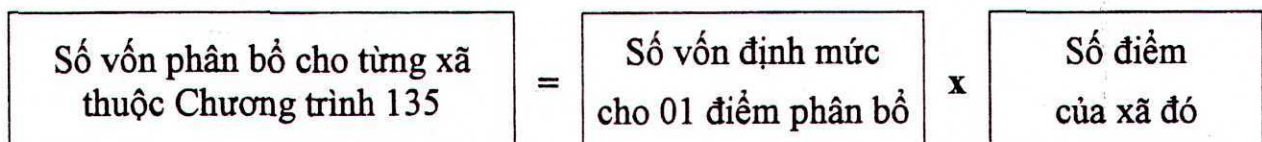
##### 1.1. Tổng số điểm của xã



##### 1.2. Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ

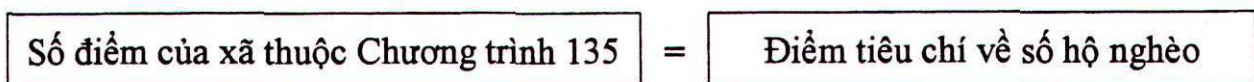


##### 1.3. Số vốn phân bổ cho từng xã



#### 2. Đối với Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

##### 2.1. Tổng số điểm của xã



## 2.2. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ

Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ	=	Tổng số vốn phân bổ cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của các xã thuộc Chương trình 135	:	Tổng số điểm của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh
---	---	---	---	---

## 2.3. Số vốn phân bổ cho từng xã

Số vốn phân bổ cho từng xã thuộc Chương trình 135	=	Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ	x	Số điểm của xã đó
--	---	--	---	----------------------

## D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hàng năm, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị liên quan có trách nhiệm cung cấp, thẩm định các số liệu cơ bản của các xã thuộc Chương trình 135 theo từng nội dung của tiêu chí có liên quan làm căn cứ chấm điểm cho các xã và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu công bố; gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc trước ngày 25/8.

Ban Dân tộc có trách nhiệm xây dựng hệ thống biểu mẫu thống nhất gửi các đơn vị có liên quan để thống kê những số liệu cần thiết phục vụ cho việc tính toán Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135.

### 2. Giao Ban Dân tộc

Hàng năm, căn cứ Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135, chủ động phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Cục Thống kê tỉnh; Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện và các ngành có liên quan để lập kế hoạch dự toán kinh phí phân bổ vốn chi tiết cho các xã thuộc Chương trình 135 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp trong kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách hàng năm, trình duyệt theo quy định.

### 3. Ủy ban nhân dân các huyện

- Căn cứ kế hoạch vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tiến hành phân bổ vốn Chương trình 135 cho các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện.

- Việc phân bổ vốn cho các xã thuộc Chương trình 135 phải hoàn thành không quá 10 ngày kể từ khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch.

- Thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền.

- Trong quá trình thực hiện, chủ động điều chỉnh kế hoạch vốn chi tiết từng nội dung dự án của các xã đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế, không vượt tổng mức

vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; đúng các quy định của nhà nước và hoàn thành kế hoạch hàng năm.

4. Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 135 theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Châu Văn Lâm**